Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 11.12.2020 16:54:00 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 142/2020/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2020*

THÔNG TƯ
Quy định nội dung và phương pháp tổ chức kiểm tra đánh giá nâng bậc trình độ kỹ năng nghề; cấp chứng chỉ kỹ năng nghề, điều kiện miễn kiểm tra đánh giá trình độ kỹ năng nghề đối với công nhân quốc phòng

Căn cứ Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng ngày 26 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 83/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định bậc trình độ kỹ năng nghề, điều kiện nâng bậc của công nhân quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 19/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương của công nhân quốc phòng và chế độ phụ cấp thâm niên đối với viên chức quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật,

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định nội dung và phương pháp tổ chức kiểm tra đánh giá nâng bậc trình độ kỹ năng nghề; cấp chứng chỉ kỹ năng nghề, điều kiện miễn kiểm tra đánh giá trình độ kỹ năng nghề đối với công nhân quốc phòng.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về phân loại khung bậc trình độ, nội dung và phương pháp tổ chức kiểm tra trình độ kỹ năng nghề; cấp chứng chỉ kỹ năng nghề, điều kiện kiểm tra, miễn kiểm tra, tạm hoãn kiểm tra và chọn nghề kiểm tra trình độ kỹ năng nghề; công tác bảo đảm, chế độ báo cáo, lưu trữ và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với công nhân quốc phòng thuộc biên chế của Quân đội nhân dân; cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Kỹ năng nghề là khả năng vận dụng những kiến thức chuyên môn nghề vào thực tế công việc tại các vị trí công tác được sắp xếp theo yêu cầu nhiệm vụ.

2. Chứng chỉ kỹ năng nghề là giấy chứng nhận một công nhân quốc phòng có đủ năng lực, trình độ thực hiện các công việc đạt yêu cầu ở một bậc trình độ kỹ năng của một nghề.

3. Trình độ chuyên môn kỹ thuật (còn gọi là trình độ kỹ năng nghề) là kiến thức chuyên môn khoa học, kỹ thuật thu nhận được thông qua học tập, tìm hiểu và được công nhận bằng văn bằng chứng chỉ phù hợp của cấp có thẩm quyền công nhận.

4. Bậc trình độ kỹ năng nghề là thứ hạng đánh giá trình độ chuyên môn kỹ thuật, được xếp thứ tự từ thấp đến cao, xác định mức độ về kiến thức, kỹ năng chuyên môn kỹ thuật đối với mỗi nghề.

5. Khung bậc trình độ kỹ năng nghề là khung phân loại các bậc trình độ kỹ năng nghề dựa trên sự mô tả theo các tiêu chí về: tính chất, mức độ công việc phải thực hiện; phạm vi, tình huống, mức độ linh hoạt, sáng tạo và sự phối hợp, trách nhiệm trong thực hiện công việc.

6. Đánh giá năng lực, trình độ chuyên môn kỹ thuật là kiểm tra trình độ lý thuyết chuyên môn và năng lực thực hành (gọi là kiểm tra trình độ kỹ năng nghề), được thực hiện qua kiểm tra lý thuyết và kiểm tra thực hành.

7. Kiểm tra lý thuyết là việc kiểm tra, đánh giá trình độ kiến thức chuyên môn đối với lý thuyết cơ sở ngành, lý thuyết chuyên môn nghề và các nội dung liên quan. Kiểm tra thực hành là việc kiểm tra, đánh giá kiến thức chuyên môn kỹ thuật được áp dụng vào thực tế công việc đang thực hiện đúng chuyên môn.

8. Cơ sở kiểm tra trình độ kỹ năng nghề là cơ quan, đơn vị bảo đảm điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất phục vụ kiểm tra trình độ kỹ năng nghề và được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ kiểm tra bậc trình độ kỹ năng nghề.

9. Người kiểm tra trình độ kỹ năng nghề là người có đầy đủ năng lực, trình độ chuyên môn kỹ thuật và được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ kiểm tra lý thuyết hoặc kiểm tra thực hành đối với công nhân quốc phòng tại một bậc trình độ kỹ năng nghề nhất định.

10. Tiêu chuẩn chuyên môn kỹ thuật là yêu cầu đạt được về lý thuyết chuyên môn và kỹ năng thực hành theo từng bậc trình độ kỹ năng nghề đối với công nhân quốc phòng.

Chương II
PHÂN LOẠI KHUNG BẬC TRÌNH ĐỘ KỸ NĂNG NGHỀ; NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA VÀ TỔ CHỨC KIỂM TRA

Mục 1
PHÂN LOẠI KHUNG BẬC TRÌNH ĐỘ KỸ NĂNG NGHỀ

Điều 4. Khung bậc trình độ kỹ năng nghề

1. Khung bậc trình độ kỹ năng nghề của công nhân quốc phòng được quy định theo tiêu chuẩn bậc trình độ kỹ năng nghề của các chuyên ngành được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành.

2. Đối với các ngành nghề trong lĩnh vực tương ứng với ngành, nghề dân dụng thực hiện theo tiêu chuẩn khung bậc trình độ kỹ năng nghề do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 5. Phân loại khung bậc trình độ kỹ năng nghề

1. Khung bậc trình độ kỹ năng nghề có 7 bậc, gồm:

a) Bậc thấp: Từ bậc 1/7 đến bậc 4/7;

b) Bậc cao: Từ bậc 5/7 đến bậc 7/7.

2. Khung bậc trình độ kỹ năng nghề có 6 bậc, gồm:

a) Bậc thấp: Từ bậc 1/6 đến bậc 4/6;

b) Bậc cao: Bậc 5/6 và bậc 6/6.

3. Khung bậc trình độ kỹ năng nghề có 5 bậc, gồm:

a) Bậc thấp: Từ bậc 1/5 đến bậc 4/5;

b) Bậc cao: Bậc 5/5.

4. Khung bậc trình độ kỹ năng nghề có 4 bậc, gồm:

a) Bậc thấp: Từ bậc 1/4 đến bậc 3/4;

b) Bậc cao: Bậc 4/4.

5. Đối với những nghề có khung bậc từ 2 đến 3 bậc trình độ kỹ năng nghề, không phân định bậc thấp hoặc bậc cao.

Mục 2
NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

Điều 6. Nội dung kiểm tra

1. Kiểm tra lý thuyết:

a) Lý thuyết cơ sở ngành;

b) Lý thuyết chuyên môn nghề (lý thuyết chuyên ngành);

c) Lý thuyết nghiệp vụ ngành: Nội dung điều lệ, chế độ, quy định của chuyên ngành có liên quan đến kỹ năng nghề và an toàn, vệ sinh lao động.

Đối với trình độ kỹ năng nghề bậc cao, thực hiện kiểm tra lý thuyết theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này và kiểm tra nội dung quản lý, kinh nghiệm sản xuất, sửa chữa hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sửa chữa, sản xuất, bảo dưỡng trang bị kỹ thuật.

2. Kiểm tra thực hành:

a) Chế tạo hoặc gia công sản phẩm;

b) Sử dụng, điều khiển trang bị kỹ thuật;

c) Sử dụng các phương tiện đo, phương tiện kiểm tra và kỹ năng thực hiện;

d) Bảo quản, bảo dưỡng, hiệu chỉnh, sửa chữa trang bị kỹ thuật;

đ) Tác phong làm việc, kỹ năng sử dụng các thiết bị, trang thiết bị công nghệ và an toàn, vệ sinh lao động.

Đối với trình độ kỹ năng nghề bậc cao, căn cứ yêu cầu cụ thể của từng nghề, kiểm tra thông qua việc sản xuất, chế thử theo đề tài nghiên cứu, sáng chế, sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

Điều 7. Phương pháp kiểm tra

1. Kiểm tra lý thuyết, lựa chọn một trong những hình thức sau:

a) Trắc nghiệm;

b) Tự luận (viết trên giấy);

c) Vấn đáp (hỏi, đáp trực tiếp).

2. Kiểm tra thực hành, lựa chọn một trong những hình thức sau:

a) Thao tác trên phương tiện, thiết bị, công cụ;

b) Tác nghiệp trên giấy để xử lý, giải quyết các tình huống;

c) Thao tác trên phương tiện, thiết bị, công cụ kết hợp tác nghiệp trên giấy để xử lý, giải quyết các tình huống.

Điều 8. Phương pháp chấm điểm

1. Chủ tịch Hội đồng kiểm tra phê duyệt đáp án và thang điểm chuẩn của nội dung kiểm tra (gồm lý thuyết và thực hành).

2. Giám khảo căn cứ vào đáp án và thang điểm chuẩn của từng nội dung kiểm tra để chấm điểm.

3. Một bài kiểm tra lý thuyết hoặc thực hành phải có ít nhất 02 (hai) giám khảo chấm điểm độc lập. Điểm của bài kiểm tra (lý thuyết hoặc thực hành) là trung bình cộng điểm chấm của các giám khảo, lấy kết quả đến hai chữ số ở phần thập phân.

4. Điểm kiểm tra tính theo thang điểm 10, là kết quả trung bình cộng của bài kiểm tra lý thuyết và bài kiểm tra thực hành, lấy đến hai chữ số ở phần thập phân, được tính như sau:

$$Đ_{kt} = \frac{Đ_{lt} + Đ_{th}}{2}$$

Trong đó:

a) $Đ_{kt}$: Điểm kiểm tra (kết quả chung);

b) $Đ_{lt}$: Điểm kiểm tra lý thuyết;

c) $Đ_{th}$: Điểm kiểm tra thực hành.

5. Công nhân quốc phòng là người dân tộc thiểu số hoặc quân nhân các đơn vị đóng quân trên địa bàn thuộc vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có thời gian công tác từ 12 tháng trở lên, được ưu tiên cộng 01 (một) điểm vào bài kiểm tra lý thuyết và 01 (một) điểm vào bài kiểm tra thực hành.

6. Đối với một số ngành, nghề kỹ thuật không áp dụng thang điểm 10, thực hiện theo quy định của các chuyên ngành kỹ thuật, nhưng phải phù hợp với tiêu chuẩn bậc trình độ kỹ năng nghề của công nhân quốc phòng.

Điều 9. Đánh giá kết quả

1. Trường hợp áp dụng thang điểm 10:

a) Loại giỏi: Từ 8,0 điểm đến 10 điểm;

b) Loại khá: Từ 6,5 điểm đến dưới 8,0 điểm;

c) Loại trung bình (gọi là đạt yêu cầu): Từ 5,0 điểm đến dưới 6,5 điểm;

d) Không đạt: Dưới 5,0 điểm.

2. Trường hợp không áp dụng thang điểm 10, Hội đồng kiểm tra trình độ kỹ năng nghề quyết định lựa chọn một trong những phương pháp sau để công nhận kết quả:

a) Quy đổi kết quả điểm kiểm tra lý thuyết hoặc kết quả điểm kiểm tra thực hành về thang điểm 10 để phân loại đánh giá theo khoản 1 Điều này;

b) Áp dụng đánh giá kết quả theo quy định chấm điểm của một số ngành, nghề dân dụng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Trường hợp kết quả đạt từ 4 điểm đến dưới 5 điểm bài kiểm tra lý thuyết, nhưng bài kiểm tra thực hành đạt 7,5 điểm trở lên thì được xét và công nhận đạt yêu cầu.

Điều 10. Công nhận kết quả

Căn cứ vào đánh giá kết quả kiểm tra được quy định tại Điều 9 Thông tư này. Chủ tịch Hội đồng kiểm tra trình độ kỹ năng nghề quyết định công nhận kết quả cho nhân viên kỹ thuật có kết quả đạt yêu cầu trở lên và đề nghị cấp có thẩm quyền cấp chứng chỉ kỹ năng nghề bậc mới.

Điều 11. Kiểm tra, giám sát

1. Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật chỉ đạo kiểm tra, giám sát công tác huấn luyện, kiểm tra trình độ kỹ năng nghề đối với công nhân quốc phòng của các cơ sở được giao nhiệm vụ kiểm tra đánh giá trình độ kỹ năng nghề.

2. Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp quốc phòng chỉ đạo kiểm tra, giám sát công tác huấn luyện, kiểm tra đánh giá trình độ kỹ năng nghề đối với công nhân quốc phòng của các cơ sở sản xuất thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng.

3. Thủ trưởng chuyên ngành kỹ thuật, thủ trưởng quân khu, quân đoàn và tương đương, chỉ đạo tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình huấn luyện, kiểm tra trình độ kỹ năng nghề đối với công nhân quốc phòng của các cơ sở kiểm tra trình độ kỹ năng nghề thuộc quyền quản lý.

Điều 12. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp kiểm tra lý thuyết hoặc kiểm tra thực hành, nếu người tham dự kiểm tra vi phạm quy chế, thì Ban giám khảo lập biên bản và đề nghị Hội đồng kiểm tra xử lý theo quy định.

2. Trường hợp trong quá trình ôn luyện, kiểm tra lý thuyết hoặc kiểm tra thực hành, nếu người tham dự kiểm tra cố ý gây hư hỏng phương tiện, thiết bị, công cụ, dụng cụ tác nghiệp và phương tiện đo kiểm, nguyên vật liệu, vật tư thì bị xử lý theo quy chế kiểm tra và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp tổ chức hoặc cá nhân được giao nhiệm vụ tổ chức kiểm tra để lộ nội dung kiểm tra hoặc chấm điểm kiểm tra không chính xác, làm ảnh hưởng đến kết quả kiểm tra thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của Quân đội.

4. Trường hợp tổ chức hoặc cá nhân được giao nhiệm vụ phúc tra bài kiểm tra lý thuyết hoặc kiểm tra thực hành, nếu thực hiện không chính xác, không đúng quy định hoặc kết quả bị sai lệch thì cá nhân, tổ chức bị xử lý kỷ luật theo quy định của Quân đội.

Mục 3
TỔ CHỨC KIỂM TRA

Điều 13. Thời gian kiểm tra, thời hạn kiểm tra và đăng ký kiểm tra trình độ kỹ năng nghề

1. Kiểm tra trình độ kỹ năng nghề được tổ chức định kỳ 01 (một) năm 01 (một) lần tại các cơ sở kiểm tra trình độ kỹ năng nghề, hoàn thành việc kiểm tra trước thời điểm các đơn vị đánh giá, phân loại nhân viên kỹ thuật. Thời hạn kiểm tra được thực hiện theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với các ngành, nghề dân dụng, công nhân quốc phòng được đăng ký tham dự kiểm tra tại các cơ sở kiểm tra trình độ kỹ năng nghề trong quân đội hoặc tại các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia.

3. Cơ quan kỹ thuật phối hợp cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, lập danh sách công nhân quốc phòng đến kỳ kiểm tra bậc trình độ kỹ năng nghề để tổ chức huấn luyện và báo cáo cấp có thẩm quyền tổ chức kiểm tra bậc trình độ kỹ năng nghề theo quy định.

Điều 14. Quy trình tổ chức kiểm tra

1. Thành lập Hội đồng, Ban giám khảo kiểm tra trình độ kỹ năng nghề.

2. Lập kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện để tổ chức kiểm tra.

3. Tổ chức kiểm tra theo bậc trình độ kỹ năng của từng nghề.

4. Công nhận kết quả.

5. Cấp chứng chỉ kỹ năng nghề bậc mới cho công nhân quốc phòng tham dự kiểm tra trình độ kỹ năng nghề có kết quả đạt yêu cầu trở lên.

Điều 15. Phân cấp tổ chức kiểm tra

1. Tổng cục Kỹ thuật chủ trì, chỉ đạo tổ chức huấn luyện, kiểm tra trình độ kỹ năng nghề bậc cao các ngành, nghề dân dụng đối với công nhân quốc phòng trong toàn quân.

2. Tổng cục Công nghiệp quốc phòng chủ trì, chỉ đạo tổ chức huấn luyện, kiểm tra trình độ kỹ năng nghề đối với công nhân quốc phòng các cơ sở sản xuất thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng.

3. Các quân khu, quân đoàn và các đơn vị tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng, chủ trì, chỉ đạo tổ chức huấn luyện, kiểm tra trình độ kỹ năng nghề bậc thấp đối với công nhân quốc phòng thuộc quyền.

4. Các chuyên ngành kỹ thuật

a) Chủ trì, chỉ đạo tổ chức huấn luyện, kiểm tra trình độ kỹ năng nghề bậc cao của chuyên ngành kỹ thuật đối với công nhân quốc phòng trong toàn quân;

b) Chủ trì, chỉ đạo tổ chức huấn luyện, kiểm tra trình độ kỹ năng nghề bậc thấp đối với công nhân quốc phòng làm việc trong các ngành, nghề thuộc các chuyên ngành kỹ thuật khác của các đơn vị trực thuộc.

Điều 16. Thành lập Hội đồng kiểm tra

1. Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch, các ủy viên và ủy viên thư ký

2. Thẩm quyền thành lập Hội đồng:

a) Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra bậc cao khu vực;

b) Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp quốc phòng quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra trình độ kỹ năng nghề của các cơ sở sản xuất thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng;

c) Tư lệnh quân khu, quân đoàn và tương đương quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra trình độ kỹ năng nghề của quân khu, quân đoàn và tương đương;

d) Tư lệnh quân chủng, binh chủng và Thủ trưởng cục chuyên ngành quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra trình độ kỹ năng nghề chuyên ngành kỹ thuật.

Điều 17. Nhiệm vụ của Hội đồng kiểm tra

1. Xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra.

2. Xét và phê duyệt danh sách công nhân quốc phòng tham dự kiểm tra.

3. Phê duyệt đề kiểm tra, đáp án và thang điểm kiểm tra.

4. Ban hành nội quy, quy chế kiểm tra.

5. Quyết định thành lập ban giám khảo.

6. Tổ chức huấn luyện; khai mạc, bế mạc, đánh giá kết quả kiểm tra.

7. Phê duyệt và công nhận kết quả của công nhân quốc phòng tham dự kiểm tra.

8. Báo cáo kết quả kiểm tra bậc trình độ kỹ năng nghề và đề nghị cấp có thẩm quyền cấp chứng chỉ kỹ năng nghề bậc mới.

9. Thông báo kết quả về cơ quan, đơn vị có công nhân quốc phòng tham dự kiểm tra.

Điều 18. Nhiệm vụ của Ban giám khảo

1. Biên soạn đề kiểm tra, đáp án, thang điểm kiểm tra thông qua hội đồng kiểm tra và trình chủ tịch hội đồng phê duyệt.

2. Phối hợp với các cơ quan liên quan, chuẩn bị địa điểm, trang bị kỹ thuật, trang thiết bị công nghệ, vật tư kỹ thuật, phụ tùng, dụng cụ phục vụ kiểm tra.

3. Thực hiện kiểm tra theo quy chế của Hội đồng kiểm tra trình độ kỹ năng nghề.

4. Chấm điểm và tổng hợp kết quả kỳ kiểm tra.

Điều 19. Nhiệm vụ của Ủy viên thư ký

1. Giúp hội đồng xây dựng kế hoạch kiểm tra, nội quy, quy chế kiểm tra của hội đồng.

2. Chuẩn bị văn bản, tài liệu liên quan của các kỳ họp hội đồng.

3. Tổng hợp kết quả kiểm tra, thông qua hội đồng và báo cáo cấp trên theo quy định.

Điều 20. Phúc tra bài kiểm tra

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được thông báo kết quả kiểm tra trình độ kỹ năng nghề, người tham dự kiểm tra được quyền nộp đơn đề nghị Hội đồng phúc tra bài kiểm tra.

2. Khi nhận được đơn đề nghị của người dự kiểm tra trình độ kỹ năng nghề theo quy định, Chủ tịch Hội đồng kiểm tra thành lập Hội đồng phúc tra và tổ chức phúc tra theo quy chế; thông báo kết quả phúc tra đến cơ quan, đơn vị và người đề nghị phúc tra.

Chương III
ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA; MIỄN KIỂM TRA, TẠM HOÃN KIỂM TRA VÀ CHỌN NGHỀ KIỂM TRA; TRÁCH NHIỆM KIỂM TRA VÀ CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ

Mục 1
ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA

Điều 21. Điều kiện của cơ sở kiểm tra

1. Bảo đảm nhân lực:

Đối với một bậc trình độ kỹ năng của mỗi nghề, có ít nhất 01 (một) người đạt tiêu chuẩn được quy định tại khoản 2 Điều 22 Thông tư này mới được tổ chức kiểm tra trình độ kỹ năng nghề; trong đó, phải có người đang làm việc tại cơ sở được giao nhiệm vụ kiểm tra trình độ kỹ năng nghề.

2. Bảo đảm cơ sở vật chất:

a) Phòng huấn luyện chuyên môn kỹ thuật, nhà xưởng và mặt bằng đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ thực hành và phương tiện đo, phương tiện kiểm tra theo danh mục kiểm tra trình độ kỹ năng cho từng nghề, bảo đảm tương ứng với số lượng công nhân quốc phòng tham dự đánh giá ở một bậc trình độ kỹ năng của mỗi nghề trong cùng một thời điểm.

Điều 22. Điều kiện của người được giao nhiệm vụ kiểm tra

1. Căn cứ vào số lượng công nhân quốc phòng của một kỳ kiểm tra bậc trình độ kỹ năng nghề và điều kiện được quy định tại khoản 2, 3 Điều này. Hội đồng kiểm tra trình độ kỹ năng nghề quyết định số lượng, danh sách người được giao nhiệm vụ kiểm tra trình độ kỹ năng nghề.

2. Điều kiện chung:

a) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Đáp ứng được một trong các điều kiện cụ thể được quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Điều kiện cụ thể:

a) Kiểm tra trình độ kỹ năng nghề bậc 1, phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 5 trở lên của nghề tương ứng;

- Có trình độ cao đẳng trở lên tương ứng với ngành, nghề và có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề.

b) Kiểm tra trình độ kỹ năng nghề bậc 2, phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 5 trở lên của nghề tương ứng;

- Có trình độ cao đẳng trở lên tương ứng với ngành, nghề và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề.

c) Kiểm tra trình độ kỹ năng nghề bậc 3, phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 5 của nghề tương ứng và có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề kể từ khi có chứng chỉ đó;

- Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 6 hoặc bậc 7 của nghề tương ứng;

- Có trình độ cao đẳng trở lên tương ứng với ngành, nghề và có ít nhất 04 (bốn) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề.

- Có trình độ đại học trở lên tương ứng với ngành, nghề và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề.

d) Kiểm tra trình độ kỹ năng nghề bậc 4, phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 5 trở lên của nghề tương ứng và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề kể từ khi có chứng chỉ đó;

- Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 6 hoặc bậc 7 của nghề tương ứng;

- Có trình độ cao đẳng trở lên tương ứng với ngành, nghề và có ít nhất 05 (năm) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề.

- Có trình độ đại học trở lên tương ứng với ngành, nghề và có ít nhất 04 (bốn) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề.

đ) Kiểm tra trình độ kỹ năng nghề bậc 5, phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 6 của nghề tương ứng và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề;

- Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 7 của nghề tương ứng;

- Có trình độ cao đẳng trở lên tương ứng với ngành, nghề và có ít nhất 06 (sáu) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề.

- Có trình độ đại học trở lên tương ứng với ngành, nghề và có ít nhất 05 (năm) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề.

e) Kiểm tra trình độ kỹ năng nghề bậc 6, phải đáp ứng một trong các điều sau đây:

- Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 7 của nghề tương ứng và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề kể từ khi có chứng chỉ đó;

- Có trình độ đại học trở lên tương ứng với ngành, nghề và có ít nhất 06 (sáu) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề.

g) Kiểm tra trình độ kỹ năng nghề bậc 7, phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 7 của nghề tương ứng và có ít nhất 05 (năm) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề kể từ khi có chứng chỉ đó;

- Có trình độ đại học trở lên tương ứng với ngành, nghề và có ít nhất 08 (tám) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề.

Điều 23. Điều kiện của công nhân quốc phòng tham dự kiểm tra

1. Phải đủ các điều kiện được quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều này tương ứng với từng bậc trình độ kỹ thuật nghề và phải kiểm tra đánh giá bậc trình độ kỹ năng nghề, kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu.

2. Công nhân quốc phòng có nhu cầu đều được kiểm tra đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề ở trình độ kỹ năng nghề bậc 1 của một nghề.

Để được kiểm tra đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề ở trình độ kỹ năng nghề bậc 1 của 1 nghề, công nhân quốc phòng phải có chứng chỉ sơ cấp hoặc bằng nghề công nhân kỹ thuật tương ứng với nghề kiểm tra và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Để được kiểm tra đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề ở trình độ kỹ năng nghề bậc 2 của một nghề, công nhân quốc phòng phải đáp ứng được một trong các điều kiện sau:

a) Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 1 hoặc chứng chỉ sơ cấp, bằng nghề công nhân kỹ thuật tương ứng với nghề kiểm tra và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Học xong chương trình trung cấp, trung cấp nghề hoặc trung cấp chuyên nghiệp tương ứng với nghề kiểm tra.

4. Để được kiểm tra đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề ở trình độ kỹ năng nghề bậc 3 của một nghề, công nhân quốc phòng phải đáp ứng được một trong các điều kiện sau:

a) Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 2 hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp tương ứng với nghề kiểm tra và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 1 hoặc chứng chỉ sơ cấp, bằng nghề công nhân kỹ thuật tương ứng với nghề kiểm tra và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Học xong chương trình cao đẳng, cao đẳng nghề tương ứng với nghề kiểm tra.

5. Để được kiểm tra đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề ở trình độ kỹ năng nghề bậc 4 của một nghề, công nhân quốc phòng phải đáp ứng được một trong các điều kiện sau:

a) Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng, cao đẳng nghề tương ứng với nghề kiểm tra và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 2 hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp tương ứng với nghề kiểm tra và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 1 hoặc chứng chỉ sơ cấp, bằng nghề công nhân kỹ thuật tương ứng với nghề kiểm tra và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Học xong chương trình đại học tương ứng với nghề kiểm tra.

6. Để được kiểm tra đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề ở trình độ kỹ năng nghề bậc 5 của một nghề, công nhân quốc phòng phải đáp ứng được một trong các điều kiện sau:

a) Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 4 hoặc bằng tốt nghiệp đại học tương ứng với nghề kiểm tra và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng, cao đẳng nghề tương ứng với nghề kiểm tra và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 2 hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp tương ứng với nghề kiểm tra và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 1 hoặc chứng chỉ sơ cấp, bằng nghề công nhân kỹ thuật tương ứng với nghề kiểm tra và có và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Để được kiểm tra đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề ở trình độ kỹ năng nghề bậc 6 của một nghề, công nhân quốc phòng phải đáp ứng được một trong các điều kiện sau:

a) Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 5 tương ứng với nghề kiểm tra và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 4 hoặc bằng tốt nghiệp đại học tương ứng với nghề kiểm tra và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng, cao đẳng nghề tương ứng với nghề kiểm tra và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 2 hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp tương ứng với nghề kiểm tra và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 1 hoặc chứng chỉ sơ cấp, bằng nghề công nhân kỹ thuật tương ứng với nghề kiểm tra và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Để được kiểm tra đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề ở trình độ kỹ năng nghề bậc 7 của một nghề, công nhân quốc phòng phải đáp ứng được một trong các điều kiện sau:

a) Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 6 tương ứng với nghề kiểm tra và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 5 tương ứng với nghề kiểm tra và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 4 hoặc bằng tốt nghiệp đại học tương ứng với nghề kiểm tra và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng, cao đẳng nghề tương ứng với nghề kiểm tra và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 2 hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp tương ứng với nghề kiểm tra và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 1 hoặc chứng chỉ sơ cấp, bằng nghề công nhân kỹ thuật tương ứng với nghề kiểm tra và có thời gian làm việc liên tục trong nghề được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Mục 2
ĐIỀU KIỆN MIỄN KIỂM TRA, TẠM HOÃN KIỂM TRA VÀ CHỌN NGHỀ KIỂM TRA

Điều 24. Điều kiện miễn kiểm tra

1. Công nhân quốc phòng tham gia hội thi tay nghề thế giới, hội thi tay nghề ASEAN hoặc hội thi tay nghề quốc gia đạt huy chương thì được bảo lưu kết quả, được xét, nâng 01 bậc trình độ kỹ năng nghề và được cấp chứng chỉ trình độ kỹ năng nghề bậc mới kế tiếp với bậc trình độ kỹ năng nghề đang giữ.

2. Công nhân quốc phòng được xét miễn kiểm tra và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề bậc mới khi đến thời hạn kiểm tra bậc trình độ kỹ năng nghề trong các trường hợp sau:

a) Tham gia hội thi (hội thao) kỹ thuật cấp toàn quân đạt loại giỏi hoặc tham gia hội thi (hội thao) kỹ thuật cấp quân chủng, binh chủng, quân khu, quân đoàn và tương đương đạt giải ba trở lên;

b) Đối với thời hạn giữ bậc trình độ kỹ năng nghề đến 02 (hai) năm, phải có ít nhất 01 (một) năm được tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên trong thời gian giữ bậc (kể từ kỳ kiểm tra trình độ kỹ năng nghề lần kế tiếp trước);

c) Đối với thời hạn giữ bậc trình độ kỹ năng nghề từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm, phải có ít nhất 02 năm liên tục được tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên trong thời gian giữ bậc (kể từ kỳ kiểm tra trình độ kỹ năng nghề lần kế tiếp trước);

d) Đối với thời hạn giữ bậc trình độ kỹ năng nghề từ 05 (năm) năm trở lên, phải có ít nhất 03 năm liên tục được tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên trong thời gian giữ bậc (kể từ kỳ kiểm tra trình độ kỹ năng nghề lần kế tiếp trước).

3. Trường hợp miễn kiểm tra trình độ kỹ năng nghề, phải được Hội đồng kiểm tra trình độ kỹ năng nghề xét và thẩm định trước khi đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Mỗi lần đạt danh hiệu chỉ được ưu tiên xét một lần, không xét miễn kiểm tra 2 lần liên tiếp đối với trường hợp là Chiến sĩ thi đua.

4. Trường hợp công nhân quốc phòng đang hưởng bậc lương thấp hơn bậc trình độ kỹ năng nghề đang giữ tương ứng tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này, đến niên hạn và đủ điều kiện nâng lương được Hội đồng tiền lương đơn vị xét nâng lương theo quy định mà không phải kiểm tra trình độ kỹ năng nghề.

5. Trường hợp công nhân quốc phòng đang hưởng bậc lương cao hơn bậc trình độ kỹ năng nghề, phải kiểm tra trình độ kỹ năng nghề tương ứng bậc lương đang giữ. Thời gian được xét để tham dự kiểm tra trình độ kỹ năng nghề quy định như sau:

a) Đối với thời hạn kiểm tra trình độ kỹ năng nghề 24 tháng, thì phải có thời gian giữ bậc trình độ kỹ năng nghề từ 12 tháng trở lên;

b) Đối với thời hạn kiểm tra trình độ kỹ năng nghề 36 tháng, thì phải có thời gian giữ bậc trình độ kỹ năng nghề từ 24 tháng trở lên;

c) Đối với thời hạn kiểm tra trình độ kỹ năng nghề 48 tháng đến 60 tháng, thì phải có thời gian giữ bậc trình độ kỹ năng nghề từ 36 tháng trở lên;

d) Đối với thời hạn kiểm tra trình độ kỹ năng nghề 72 tháng, thì phải có thời gian giữ bậc trình độ kỹ năng nghề từ 48 tháng trở lên.

6. Đối với lái xe ô tô thực hiện nhiệm vụ thường xuyên, nếu được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bảo đảm số Km an toàn hoạt động trong thời hạn đến kỳ kiểm tra, chỉ tiến hành kiểm tra lý thuyết.

7. Đối với nhân viên làm nhiệm vụ thủ kho, bảo quản tại các cơ sở kỹ thuật, chỉ thực hiện kiểm tra lý thuyết.

Điều 25. Điều kiện tạm hoãn kiểm tra

1. Công nhân quốc phòng đến thời hạn kiểm tra trình độ kỹ năng nghề, nhưng do yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị phải đi công tác tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, ở nước ngoài; tham gia diễn tập do Bộ Quốc phòng hoặc quân chủng, binh chủng, quân khu, quân đoàn và tương đương tổ chức vào kỳ kiểm tra trình độ kỹ năng nghề, hoặc các trường hợp đặc biệt khác thì được

đề nghị xét tạm hoãn kiểm tra trình độ kỹ năng nghề, phải được sự cho phép và có xác nhận của thủ trưởng đơn vị (cấp trung đoàn và tương đương trở lên) báo cáo Hội đồng kiểm tra xem xét, quyết định.

2. Công nhân quốc phòng được xét tạm hoãn kiểm tra trình độ kỹ năng nghề, được cấp có thẩm quyền xét nâng lương theo thời hạn quy định, phải tham gia vào kỳ kiểm tra ngay lần kế tiếp.

Điều 26. Điều kiện chọn nghề kiểm tra

Công nhân quốc phòng không làm đúng nghề theo tiêu chuẩn bậc trình độ kỹ năng nghề hiện giữ hoặc làm nhiều nghề trong cùng ngành được chọn nghề thạo nhất để kiểm tra, nhưng phải có thời gian giữ bậc của nghề chọn tham dự kiểm tra được thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 5 Điều 24 Thông tư này.

Mục 3
TRÁCH NHIỆM KIỂM TRA VÀ CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ

Điều 27. Trách nhiệm của Tổng cục Kỹ thuật

1. Chủ trì tổ chức chỉ đạo công tác huấn luyện và kiểm tra trình độ kỹ năng nghề đối với công nhân quốc phòng toàn quân.

2. Thẩm định nội dung tiêu chuẩn bậc trình độ kỹ năng các ngành, nghề đối với công nhân quốc phòng do các chuyên ngành xây dựng trước khi trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt, ban hành.

3. Chỉ đạo chuyên ngành kỹ thuật xây dựng và ban hành chương trình, nội dung huấn luyện lý thuyết chuyên môn, rèn luyện kỹ năng thực hành cho công nhân quốc phòng các ngành, nghề.

Điều 28. Trách nhiệm chỉ huy các cấp

1. Chỉ huy, chỉ đạo và tổ chức kiểm tra cơ quan, đơn vị thuộc quyền về huấn luyện và kiểm tra trình độ kỹ năng nghề cho công nhân quốc phòng.

2. Quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra trình độ kỹ năng nghề theo phân cấp.

3. Chỉ đạo bảo đảm công tác huấn luyện, kiểm tra bậc trình độ kỹ năng nghề.

Điều 29. Trách nhiệm của chuyên ngành kỹ thuật

1. Chủ trì tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra trình độ kỹ năng nghề cho công nhân quốc phòng thuộc chuyên ngành đúng quy định.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn đơn vị huấn luyện lý thuyết chuyên môn, rèn luyện kỹ năng thực hành cho công nhân quốc phòng thuộc chuyên ngành.

3. Bảo đảm công tác huấn luyện, kiểm tra bậc trình độ kỹ năng nghề.

Điều 30. Trách nhiệm của cơ quan kỹ thuật các cấp

Giúp Thủ trưởng đơn vị tổ chức huấn luyện lý thuyết chuyên môn, rèn luyện kỹ năng thực hành, kiểm tra bậc trình độ kỹ năng nghề cho công nhân quốc phòng đúng quy định.

Điều 31. Chứng chỉ kỹ năng nghề

Tổng cục Kỹ thuật ban hành thống nhất mẫu chứng chỉ kỹ năng nghề theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này trong toàn quân.

Điều 32. Điều kiện cấp chứng chỉ kỹ năng nghề

Công nhân quốc phòng tham dự kiểm tra bậc trình độ kỹ năng nghề đạt yêu cầu trở lên, được Chủ tịch Hội đồng kiểm tra trình độ kỹ năng nghề công nhận kết quả theo quy định tại Điều 10 Thông tư này và đề nghị cấp có thẩm quyền cấp chứng chỉ kỹ năng nghề bậc mới.

Điều 33. Thẩm quyền cấp chứng chỉ kỹ năng nghề

1. Tổng cục Kỹ thuật cấp chứng chỉ kỹ năng nghề bậc cao đối với công nhân quốc phòng các ngành, nghề dân dụng.

2. Tổng cục Công nghiệp quốc phòng cấp chứng chỉ kỹ năng nghề cho công nhân quốc phòng thuộc quyền đối với các ngành, nghề dân dụng và các ngành, nghề chuyên ngành thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng quản lý.

3. Quân khu, quân đoàn và tương đương cấp chứng chỉ bậc kỹ năng nghề bậc thấp đối với công nhân quốc phòng các đơn vị thuộc quyền.

4. Các chuyên ngành kỹ thuật cấp chứng chỉ kỹ năng nghề bậc cao đối với công nhân quốc phòng các ngành, nghề đặc thù của chuyên ngành kỹ thuật trong toàn quân và chứng chỉ kỹ năng nghề bậc thấp đối với các ngành, nghề khác đối với công nhân quốc phòng các đơn vị thuộc quyền.

Điều 34. Cấp, cấp đổi, cấp lại và thu hồi chứng chỉ kỹ năng nghề

1. Công nhân quốc phòng đủ điều kiện quy định tại Điều 32 Thông tư này được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị cấp chứng chỉ kỹ năng nghề của Chủ tịch Hội đồng kiểm tra bậc trình độ kỹ năng nghề, cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 33 Thông tư này có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu và thực hiện cấp chứng chỉ kỹ năng nghề.

2. Chứng chỉ kỹ năng nghề được cấp đổi khi thông tin trên chứng chỉ bị sai hoặc bị hư hỏng, rách, nát; được cấp lại trong trường hợp bị mất:

a) Người đề nghị cấp đổi hoặc cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề có trách nhiệm làm đơn đề nghị và gửi đến Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý lập danh sách và gửi đến cấp có thẩm quyền được quy định tại Điều 33 Thông tư này cấp đổi hoặc cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề;

b) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đề nghị cấp đổi, cấp lại, cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 33 Thông tư này, có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu và thực hiện cấp đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề.

3. Trường hợp không cấp hoặc chưa cấp thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Chứng chỉ kỹ năng nghề bị thu hồi và hủy bỏ khi Hội đồng kiểm tra phát hiện người được cấp chứng chỉ, giả mạo nội dung kê khai đăng ký tham dự kiểm tra đánh giá trình độ kỹ năng nghề.

Chương IV
CÔNG TÁC BẢO ĐẢM, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ LƯU TRỮ

Điều 35. Kinh phí bảo đảm

Kinh phí bảo đảm cho Hội đồng kiểm tra bậc trình độ kỹ năng nghề của cấp nào do cấp đó bảo đảm từ nguồn ngân sách bảo đảm kỹ thuật thường xuyên cho nhiệm vụ huấn luyện kỹ thuật hằng năm được Bộ Quốc phòng giao và được sử dụng từ nguồn thu do kết hợp việc kiểm tra trình độ kỹ năng nghề với nhiệm vụ sản xuất, sửa chữa, chế tạo sản phẩm mới hoặc các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 36. Nội dung bảo đảm

1. Bảo đảm trang bị kỹ thuật, thiết bị công nghệ, phần mềm và vật tư kỹ thuật phục vụ kiểm tra lý thuyết và thực hành.

2. Chi phí công tác tổ chức kiểm tra trình độ kỹ năng nghề (khai mạc, bế mạc, văn phòng phẩm).

3. Chi phí hoạt động của Hội đồng kiểm tra trình độ kỹ năng nghề; biên soạn đề kiểm tra, đáp án; giám khảo chấm bài.

4. Chi phí mua phôi phẩm và một số vật tư bảo đảm khác.

Điều 37. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo định kỳ:

a) Báo cáo kế hoạch tổ chức kiểm tra trình độ kỹ năng nghề;

b) Báo cáo kết quả kiểm tra trình độ kỹ năng nghề chậm nhất sau 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kiểm tra trình độ kỹ năng nghề theo quy định đối với từng cấp.

2. Báo cáo đột xuất thực hiện theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 38. Chế độ lưu trữ

Hồ sơ, tài liệu liên quan kỳ kiểm tra trình độ kỹ năng nghề và chứng chỉ kỹ năng nghề được lưu trữ theo quy định hiện hành.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2021 và thay thế Thông tư số 41/2017/TT-BQP ngày 27 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định nội dung và phương pháp tổ chức kiểm tra đánh giá nâng bậc trình độ kỹ năng nghề; cấp chứng chỉ kỹ năng nghề, điều kiện miễn kiểm tra đánh giá trình độ kỹ năng nghề của công nhân quốc phòng.

2. Quân nhân chuyên nghiệp, viên chức quốc phòng đảm nhiệm vị trí việc làm của công nhân quốc phòng, thực hiện kiểm tra, đánh giá nâng bậc trình độ kỹ năng nghề; cấp chứng chỉ kỹ năng nghề, điều kiện miễn kiểm tra đánh giá trình độ kỹ năng nghề như đối với của công nhân quốc phòng theo quy định tại Thông tư này.

Điều 40. Trách nhiệm thi hành

Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Bế Xuân Trường

Phụ lục 1. QUY ĐỊNH THỜI HẠN KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ KỸ NĂNG NGHỀ ĐỐI VỚI CÔNG NHÂN QUỐC PHÒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 142/2020/TT-BQP ngày 20/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

1. Loại A

a) Đối với 7 bậc trình độ kỹ năng nghề

Bậc lương	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thời hạn giữ bậc lương (tháng)	24	24	36	36	36	36	36	36	36	
Thời hạn kiểm tra trình độ kỹ năng nghề (tháng)	24	60		72		72				
Bậc trình độ kỹ năng nghề	**III**	**IV**		**V**		**VI**		**VII**		

b) Đối với 6 bậc trình độ kỹ năng nghề

Bậc lương	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thời hạn giữ bậc lương (tháng)	24	24	36	36	36	36	36	36	36	
Thời hạn kiểm tra trình độ kỹ năng nghề (tháng)	24	60		72						
Bậc trình độ kỹ năng nghề	**III**	**IV**		**V**		**VI**				

c) Đối với 5 bậc trình độ kỹ năng nghề

Bậc lương	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thời hạn giữ bậc lương (tháng)	24	24	36	36	36	36	36	36	36	
Thời hạn kiểm tra trình độ kỹ năng nghề (tháng)	24	60								
Bậc trình độ kỹ năng nghề	**III**	**IV**		**V**						

2. Loại B

a) Đối với 7 bậc trình độ kỹ năng nghề

Bậc lương	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thời hạn giữ bậc lương (tháng)	24	24	24	24	36	36	36	36	36	
Thời hạn kiểm tra trình độ kỹ năng nghề (tháng)	24	24	48		72		72			
Bậc trình độ kỹ năng nghề	**II**	**III**	**IV**		**V**		**VI**		**VII**	

b) Đối với 6 bậc trình độ kỹ năng nghề

Bậc lương	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thời hạn giữ bậc lương (tháng)	24	24	24	24	36	36	36	36	36	
Thời hạn giữ bậc lương (tháng)	24	48		60		72				
Bậc trình độ kỹ năng nghề	**II**	**III**		**IV**		**V**		**VI**		

c) Đối với 5 bậc trình độ kỹ năng nghề

Bậc lương	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thời hạn giữ bậc lương (tháng)	24	24	24	24	36	36	36	36	36	
Thời hạn giữ bậc lương (tháng)	24	48		60						
Bậc trình độ kỹ năng nghề	**II**	**III**		**IV**		**V**				

d) Đối với 4 bậc trình độ kỹ năng nghề

Bậc lương	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thời hạn giữ bậc lương (tháng)	24	24	24	24	36	36	36	36	36	
Thời hạn kiểm tra trình độ kỹ năng nghề (tháng)	24	48								
Bậc trình độ kỹ năng nghề	**II**	**III**		**IV**						

3. Loại C

a) Đối với 7 bậc trình độ kỹ năng nghề

Bậc lương	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thời hạn giữ bậc lương (tháng)	24	24	24	24	24	24	36	36	36	
Thời hạn kiểm tra trình độ kỹ năng nghề (tháng)	24	24	24	24	48		72			
Bậc trình độ kỹ năng nghề	**I**	**II**	**III**	**IV**	**V**		**VI**		**VII**	

b) Đối với 6 bậc trình độ kỹ năng nghề

Bậc lương	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thời hạn giữ bậc lương (tháng)	24	24	24	24	24	24	36	36	36	
Thời hạn kiểm tra trình độ kỹ năng nghề (tháng)	24	24	48		48		72			
Bậc trình độ kỹ năng nghề	**I**	**II**	**III**		**IV**		**V**		**VI**	

c) Đối với 5 bậc trình độ kỹ năng nghề

Bậc lương	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thời hạn giữ bậc lương (tháng)	24	24	24	24	24	24	36	36	36	
Thời hạn kiểm tra trình độ kỹ năng nghề (tháng)	24	24	48		48					
Bậc trình độ kỹ năng nghề	**I**	**II**	**III**		**IV**		**V**			

d) Đối với 4 bậc trình độ kỹ năng nghề

Bậc lương	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thời hạn giữ bậc lương (tháng)	24	24	24	24	24	24	36	36	36	
Thời hạn kiểm tra trình độ kỹ năng nghề (tháng)	24	48		48						
Bậc trình độ kỹ năng nghề	**I**	**II**		**III**		**IV**				

đ) Đối với 3 bậc trình độ kỹ năng nghề

Bậc lương	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thời hạn giữ bậc lương (tháng)	24	24	24	24	24	24	36	36	36	
Thời hạn kiểm tra trình độ kỹ năng nghề (tháng)	24	48								
Bậc trình độ kỹ năng nghề	**I**	**II**		**III**						

Phụ lục 2

MẪU CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 142/2020/TT-BQP ngày 20/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

1. Kích thước: 200 mm x 130 mm

2. Hình thức và nội dung của chứng chỉ kỹ năng nghề như sau:

a) Mặt ngoài:

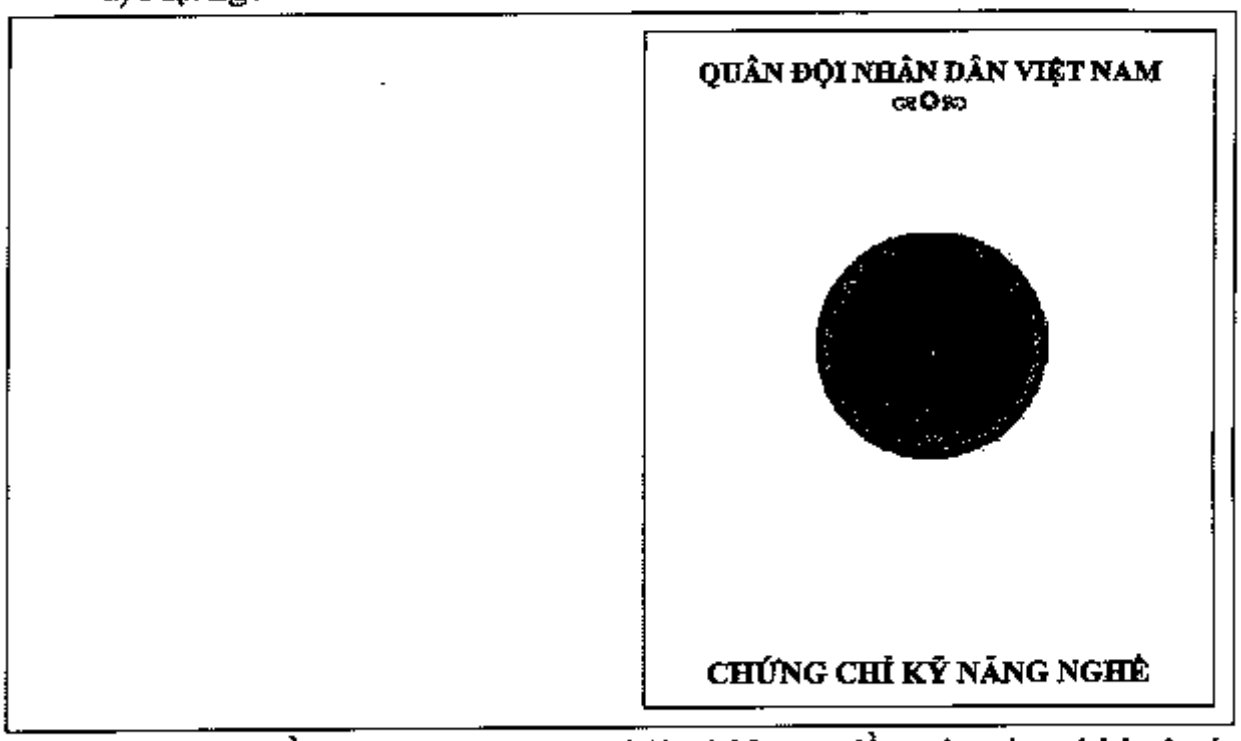

Mặt ngoài nền màu đỏ tươi; bên phải có khung viền màu vàng, kích thước khung 110 mm x 80 mm; khoảng cách từ mép khung đến mép giấy phía ngoài là 10 mm. Nội dung trong khung được trình bày bằng kiểu chữ Times New Roman, cụ thể như sau:

- Hàng chữ **"QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM"** được trình bày bằng font chữ Time New Roman, kiểu chữ in hoa đứng, đậm, màu vàng, cỡ chữ 12;

- Quân hiệu có đường kính 35 mm;

- Hàng chữ **"CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ"** được trình bày bằng font chữ Time New Roman, kiểu chữ in hoa đứng, đậm, màu vàng, cỡ chữ 14.

b) Mặt trong:

Mặt trong chứng chỉ nền màu trắng, có 2 khung viền màu đỏ, kích thước mỗi khung 120 mm x 90 mm, chính giữa khung bên trái có Quân hiệu (đường kính 45 mm), khung bên phải in chìm quân hiệu màu vàng nhạt, bao quanh mặt trong là khung hoa văn màu xanh nhạt; khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 05 mm, khoảng cách giữa 2 khung là 10 mm. Nội dung trong khung được trình bày bằng kiểu chữ Times New Roman, cụ thể như sau:

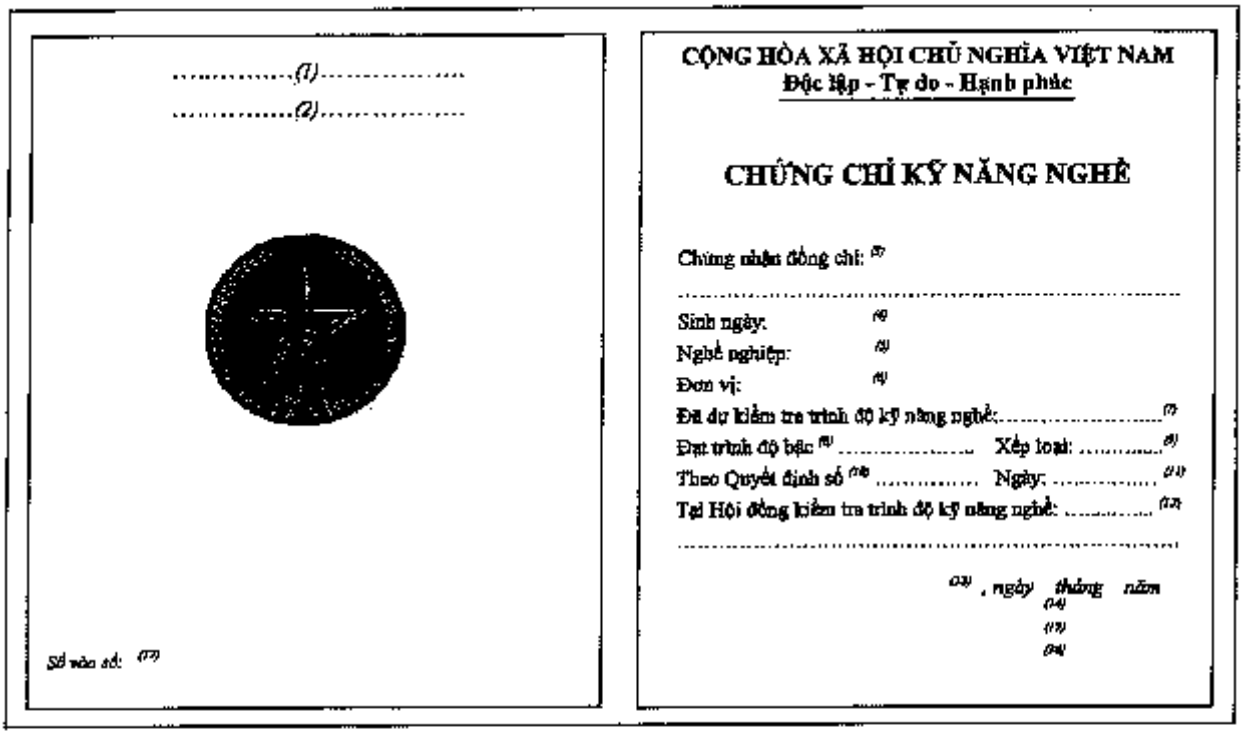

.....(1).....

.....(2).....

Số vào sổ: (13)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ

Chứng nhận đồng chí: (3)

.....

Sinh ngày: (4)
Nghề nghiệp: (5)
Đơn vị: (6)
Đã dự kiểm tra trình độ kỹ năng nghề: ..... (7)
Đạt trình độ bậc (8) ..... Xếp loại: ..... (9)
Theo Quyết định số (10) ..... Ngày: ..... (11)
Tại Hội đồng kiểm tra trình độ kỹ năng nghề: ..... (12)

.....

(13), ngày (14) tháng (15) năm (16)

- Hàng chữ **"CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM"** được trình bày kiểu chữ in hoa đứng, đậm, màu đen;

- Hàng chữ **"Độc lập - Tự do - Hạnh phúc"** được trình bày kiểu chữ in thường đứng, đậm, màu đen;

- Hàng chữ **"CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ"** được trình bày kiểu chữ in hoa đứng, đậm, màu đỏ;

c) Các nội dung ghi trên chứng chỉ kỹ năng nghề:

(1) Tên của quân khu, quân đoàn và đơn vị tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng cấp chứng chỉ kỹ năng nghề, kiểu chữ in hoa đứng, màu đen;

(2) Tên của Cục Kỹ thuật (cơ quan kỹ thuật) tổ chức kiểm tra trình độ kỹ năng nghề, kiểu chữ in hoa đứng, màu đen;

(3) Ghi họ và tên đầy đủ của người được cấp chứng chỉ bằng kiểu chữ in hoa đứng, màu đen;

(4), (5), (6): Ghi theo hồ sơ quản lý của đơn vị bằng kiểu chữ in thường đứng, màu đen;

(7) Ghi nghề đăng ký kiểm tra bậc kỹ năng nghề bằng kiểu chữ in thường đứng, màu đen;

(8), (9) Ghi kết quả kiểm tra đã được Hội đồng kiểm tra trình độ kỹ năng nghề công nhận bằng chữ kiểu đứng, màu đen;

(10), (11) Ghi số Quyết định và ngày Quyết định của cấp có thẩm quyền cấp chứng chỉ trình độ kỹ năng nghề bằng kiểu chữ số in thường đứng, màu đen;

(12) Ghi tên Hội đồng kiểm tra nâng bậc nghề bằng kiểu chữ in thường đứng, màu đen;

(13) Ghi tên địa danh nơi cấp có thẩm quyền cấp chứng chỉ kỹ năng nghề và ngày, tháng, năm cấp chứng chỉ bằng kiểu chữ in thường đứng, màu đen;

(14) In chức danh của người ký chứng chỉ bằng kiểu chữ in hoa đứng, đậm, màu đen;

(15) Chữ ký và dấu của cơ quan, đơn vị người ký cấp chứng chỉ kỹ năng nghề;

(16) Ghi cấp bậc, họ tên đầy đủ của người ký chứng chỉ kỹ năng nghề bằng kiểu chữ in thường đứng, đậm, màu đen;

(17) Ghi theo số thứ tự trong sổ cấp chứng chỉ kỹ năng nghề của Quyết định của cấp có thẩm quyền cấp chứng chỉ trình độ kỹ năng nghề bằng kiểu chữ số in thường đứng, màu đen.